

Số: /QĐ-UBND

Thanh Hoá, ngày tháng năm 2023

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt kết quả thẩm định Báo cáo đánh giá tác động môi trường dự án Nhà máy may Thành Lộc tại xã Thành Lộc, huyện Hậu Lộc, tỉnh Thanh Hoá của Công ty TNHH một thành viên YTA

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THANH HÓA

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường số 72/2020/QH14 ngày 17/11/2020;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Quyết định số 1149/QĐ-UBND ngày 04/4/2022 của UBND tỉnh về việc ủy quyền cho Sở Tài nguyên và Môi trường tổ chức thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường; giấy phép môi trường; phương án cải tạo, phục hồi môi trường của các dự án đầu tư trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa thuộc thẩm quyền của UBND tỉnh;

Căn cứ Quyết định số 3332/QĐ-UBND (cấp lần đầu ngày 05/10/2022) của UBND tỉnh Thanh Hóa về việc chấp thuận chủ trương đầu tư đồng thời chấp thuận nhà đầu tư Nhà máy may Thành Lộc tại xã Thành Lộc, huyện Hậu Lộc;

Xét Văn bản số 5797/STNMT-BVMT ngày 29/6/2023 của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường Thanh Hóa về thông báo kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường dự án Nhà máy may Thành Lộc tại xã Thành Lộc, huyện Hậu Lộc, tỉnh Thanh Hoá của Công ty TNHH một thành viên YTA;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 912/Tr-STNMT ngày 31/7/2023.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt kết quả thẩm định Báo cáo đánh giá tác động môi trường dự án Nhà máy may Thành Lộc (sau đây gọi là Dự án) của Công ty TNHH một thành viên YTA (sau đây gọi là Chủ dự án) thực hiện tại xã Thành Lộc, huyện Hậu Lộc, tỉnh Thanh Hoá, với các nội dung, yêu cầu về bảo vệ môi trường ban hành kèm theo Quyết định này.

Điều 2. Chủ dự án có trách nhiệm thực hiện quy định tại Điều 37, Luật Bảo vệ môi trường và Điều 27, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường chịu trách nhiệm trước pháp luật và trước UBND tỉnh về kết quả thẩm định Báo cáo đánh giá tác động môi trường dự án Nhà máy may Thành Lộc của Công ty TNHH một thành viên YTA thực hiện tại xã Thành Lộc, huyện Hậu Lộc, tỉnh Thanh Hoá.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường, Chủ tịch UBND huyện Hậu Lộc, Giám đốc Công ty TNHH một thành viên YTA và Thủ trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3, QĐ;
- Bộ TN&MT (để b/c);
- UBND xã Thành Lộc (để giám sát);
- Các ngành có liên quan;
- Lưu: VT, CCBVMT, PgNN.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Lê Đức Giang

CÁC NỘI DUNG, YÊU CẦU VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG
Dự án Nhà máy may Thành Lộc tại xã Thành Lộc, huyện Hậu Lộc,
tỉnh Thanh Hoá của Công ty TNHH một thành viên YTA

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày / /2023 của
Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hóa)

1. Thông tin về dự án:

1.1. Thông tin chung:

- Tên dự án: Nhà máy may Thành Lộc.
- Địa điểm thực hiện: Tại xã Thành Lộc, huyện Hậu Lộc, tỉnh Thanh Hoá.
- Chủ dự án đầu tư: Công ty TNHH một thành viên YTA.
- + Người đại diện: Đào Trọng Thành; Chức vụ: Giám đốc.
- + Địa chỉ: xã Thành Lộc, huyện Hậu Lộc, tỉnh Thanh Hoá.

1.2. Phạm vi, quy mô, công suất:

- Phạm vi: Dự án được thực hiện trên khu đất thuộc địa giới hành chính xã Thành Lộc, huyện Hậu Lộc, tỉnh Thanh Hoá với tổng diện tích 37.460,3 m².
- Quy mô sản xuất: 1.900.000 sản phẩm/năm.
- Công nghệ sản xuất: Nguyên liệu → cắt → may → giặt → sấy → là → kiểm tra → hoàn thiện, đóng gói → xuất bán.
- Nguồn nguyên liệu phục vụ sản xuất: Vải các loại (không bao gồm vải bò, bông, len, da, lông thú); vật liệu phụ (chỉ, cúc, khóa các loại, băng dính, thùng carton, túi nylon,...).
- Quy mô sử dụng khoảng 800 lao động.

1.3. Các hạng mục công trình và hoạt động của dự án đầu tư:

- Các hạng mục công trình của Dự án: 03 nhà xưởng (01 tầng; diện tích 3.960 m²/nhà; 02 nhà kho (01 tầng, diện tích 1.680 m² và 3.600 m²); nhà văn phòng, nhà nghỉ ca (02 tầng, diện tích 378,3 m²); nhà ăn, nhà để xe (02 tầng, diện tích 2.520 m²); nhà bảo vệ (01 tầng, diện tích xây dựng 52 m²); các hạng mục công trình bảo vệ môi trường; các hạng mục hạ tầng kỹ thuật, phụ trợ khác.
- Hoạt động của dự án:
 - + Giai đoạn thi công xây dựng: xây dựng các hạng mục công trình phục vụ dự án nêu trên.
 - + Giai đoạn vận hành: Sản xuất các loại trang phục quần áo.

1.4. Các yếu tố nhạy cảm về môi trường

Dự án có yêu cầu chuyển đổi mục đích sử dụng đất trồng lúa nước từ 02 vụ trở lên theo quy định của pháp luật về đất đai.

2. Hạng mục công trình và hoạt động của dự án đầu tư có khả năng tác động xấu đến môi trường

- Giai đoạn thi công xây dựng: vận chuyển nguyên vật liệu, hoạt động của máy móc, thiết bị trên công trường, hoạt động của công nhân tham gia thi

công xây dựng.

- Giai đoạn vận hành: Hoạt động sản xuất, vận chuyển nguyên vật liệu, sản phẩm; hoạt động sinh hoạt của công nhân,... Các hoạt động này sẽ phát sinh tiếng ồn, bụi, khí thải, nước thải sinh hoạt, nước thải sản xuất, chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn sản xuất, chất thải nguy hại..., tác động đến công nhân, môi trường tự nhiên và các yếu tố xã hội khác.

3. Dự báo các tác động môi trường chính, chất thải phát sinh trong giai đoạn vận hành:

3.1. Giai đoạn xây dựng:

3.1.1. Quy mô, tính chất của nước thải:

- Nước thải sinh hoạt phát sinh khoảng 4,6 m³/ngày (nước thải vệ sinh khoảng 2,3 m³/ngày; nước rửa tay chân khoảng 2,3 m³/ngày). Thành phần chủ yếu: Chất rắn lơ lửng, các hợp chất hữu cơ, chất hoạt động bề mặt, dầu mỡ, động thực vật, Coliform,...

- Nước thải xây dựng phát sinh khoảng 8,6 m³/ngày. Thành phần chủ yếu: Cặn lơ lửng, dầu mỡ,...

- Nước mưa chảy tràn có lưu lượng ngày lớn nhất khoảng 165,6 lit/s. Thành phần chủ yếu: Bùn đất, rác thải, chất rắn lơ lửng,...

3.1.2. Quy mô, tính chất của bụi, khí thải:

Bụi, khí thải trong quá trình đào đắp; phương tiện thi công; phương tiện vận chuyển; trút đổ nguyên vật liệu,... Thành phần chủ yếu gồm: Bụi, SO₂, NO_x, CO,...

3.1.3. Chất thải rắn, chất thải nguy hại:

a. Quy mô, tính chất của chất thải rắn thông thường:

- Chất thải rắn sinh hoạt phát sinh khoảng 32 kg/ngày. Thành phần chủ yếu: Thức ăn thừa, lá cây, cành cây, gỗ, giấy loại, thủy tinh, nhựa, nilon, sành sứ, vỏ đồ hộp, kim loại, cao su,...

- Chất thải rắn xây dựng bao gồm: vật liệu rơi vãi (chỉ bao gồm đá, cát) khoảng 53,92 tấn; chất thải rắn từ các loại vật liệu sử dụng trong quá trình thi công như mẫu sắt thép thừa, gỗ cốp pha loại khoảng 23,66 tấn; vỏ bao xi măng khoảng 409 kg; vỏ thùng sơn khoảng 1.108,18 kg/quá trình thi công; đất đào bóc phong hóa khoảng 5.619,05 m³.

b. Quy mô, tính chất của chất thải nguy hại

- Chất thải rắn nguy hại gồm giẻ lau chùi máy móc, vỏ chai đựng dầu nhớt, pin, ắc quy,... khối lượng khoảng 2 kg/tháng.

- Khối lượng dầu thải từ các phương tiện thi công dự án tối đa tại công trường tối đa 50 lít/giai đoạn thi công.

3.1.3. Tiếng ồn, độ rung và các tác động khác

Tác động do tiếng ồn, độ rung từ hoạt động thi công và vận chuyển nguyên nhiên vật liệu; các rủi ro, sự cố môi trường như: cháy nổ, an toàn lao động,...

3.2. Giai đoạn vận hành:

3.2.1. Quy mô, tính chất của nước thải:

- Nước thải sinh hoạt phát sinh khoảng 35,53 m³/ngày (bao gồm: nước tắm rửa tay, giặt 17,77 m³/ngày đêm; nước nhà vệ sinh 10,65 m³/ngày đêm; nước thải từ nhà ăn: 7,11 m³/ngày). Thành phần chủ yếu: chất rắn lơ lửng, các hợp chất hữu cơ, Coliform,...

- Nước thải sản xuất:

+ Nước thải từ quá trình xử lý bụi, khí thải lò hơi có lưu lượng khoảng 1,0m³/ngày. Thành phần chủ yếu gồm: Chất rắn lơ lửng, tro, cặn,...

+ Nước thải từ công đoạn giặt, vắt: 56,84 m³/ngày.đêm. Thành phần chủ yếu gồm: Chất rắn lơ lửng, độ màu,...

- Nước mưa chảy tràn có lưu lượng lớn nhất khoảng 305,4 lit/s. Thành phần chủ yếu gồm: Chất rắn lơ lửng, dầu mỡ,...

3.1.2. Quy mô, tính chất của khí thải:

- Nguồn phát sinh bụi, khí thải từ hoạt động của các phương tiện giao thông ra vào dự án; sản phẩm đi tiêu thụ; từ công đoạn cắt may; vận hành lò hơi, máy phát điện; bếp ăn.... Thành phần chủ yếu gồm: Bụi, CO, NO₂, CO₂, SO₂, VOC...

- Mùi, khí thải phát sinh từ công trình thu gom, xử lý nước thải, khu tập kết chất thải rắn. Thành phần gồm: H₂S; NH₃; CH₄...

3.2.3. Chất thải rắn, chất thải nguy hại:

a. Nguồn phát sinh, quy mô của chất thải rắn thông thường:

- Chất thải rắn sinh hoạt phát sinh từ sinh hoạt của công nhân và khu nhà ăn khoảng 645,5kg/ngày. Thành phần chủ yếu là túi nilon, giấy, bìa carton, vỏ bao bì,...

- Chất thải rắn sản xuất: bao gồm: vụn vải, chỉ thừa, sản phẩm lỗi,... khoảng 365,4kg/ngày; kim may gãy hỏng, cúc kéo gãy hỏng phát sinh khoảng 1,3 kg/ngày.

- Tro xỉ từ quá trình đốt lò hơi (nhiên liệu là than củi) phát sinh khoảng 404,4kg/ngày.

- Ngoài ra, còn có chất thải rắn phát sinh từ quá trình quét dọn vệ sinh khuôn viên dự án có thành phần như: lá cây, giấy vụn... là 16,0 kg/ngày.đêm.

b. Nguồn phát sinh, quy mô, tính chất của chất thải nguy hại:

- Chất chất thải nguy hại phát sinh trong quá trình vận hành dự án gồm: Bóng đèn neon, ắc quy, pin, hộp mực in, chai, can đựng dung môi, hóa chất, than hoạt tính thải,... khoảng 4,0kg/tháng;

- Chất thải lỏng nguy hại là dầu thải phát sinh từ quá trình bảo dưỡng, thay dầu thiết bị máy của Dự án khoảng 16,0 lít/lần thay.

3.2.4. Tiếng ồn, độ rung, nhiệt dư và các tác động khác

Tiếng ồn, độ rung, nhiệt dư phát sinh từ quá trình sản xuất; từ phương tiện ra vào nhà máy,...và các rủi ro, sự cố môi trường như: sự cố nồi hơi, sự cố

cháy nổ, an toàn lao động, hư hỏng hệ thống xử lý chất thải,...

4. Các công trình và biện pháp bảo vệ môi trường của dự án:

4.1. Giai đoạn xây dựng

4.1.1. Công trình biện pháp thu gom và xử lý nước thải:

a. Biện pháp thu gom, xử lý nước thải sinh hoạt:

- Đối với nước thải từ quá trình tắm rửa, giặt giũ, vệ sinh tay, chân đưa về hố lửng có thể tích $3,0 \text{ m}^3$ kích thước $(2,0\text{m} \times 1,5\text{m} \times 1,0\text{m})$ có đáy và thành được lót bằng vải địa kỹ thuật HDPE để chống thấm; nước thải sau xử lý thoát ra tuyến kênh 10 xã phía Bắc khu vực dự án.

- Nước thải từ quá trình vệ sinh cá nhân (đại tiện, tiểu tiện) xử lý bằng 05 nhà vệ sinh di động đặt tại khu lán trại, khu vực đang thi công; hợp đồng với đơn vị chức năng định kỳ hút bùn cặn (tần suất 1 ngày/lần) bằng xe chuyên dụng.

b. Biện pháp giảm thiểu tác động do nước thải xây dựng

Nước thải xây dựng được thu gom dẫn về 01 bể lửng có dung tích $3,0 \text{ m}^3$ kích thước $(2,0\text{m} \times 1,5\text{m} \times 1,0\text{m})$, đáy và thành được lót bằng vải địa kỹ thuật HDPE để chống thấm) tại khu vực lán trại; nước thải sau lửng thoát ra tuyến kênh 10 xã phía Bắc khu vực dự án.

4.1.2. Biện pháp giảm thiểu tác động do bụi, khí thải:

- Trang bị đầy đủ bảo hộ lao động gồm: quần áo bảo hộ, mũ, khẩu trang, kính... theo quy định, bố trí thời gian nghỉ ngơi hợp lý cho công nhân.

- Dùng xe xịt $5,0\text{m}^3$, phun theo ống đục lỗ nằm ngang phía dưới xịtéc. Tần suất phun nước 04 lần/ngày và tăng số lần phun nước trong điều kiện thời tiết khô hanh tại một số vị trí nhạy cảm như tuyến đường qua các khu dân cư lân cận.

- Phương tiện vận chuyển vật liệu xây dựng phải chở đúng trọng tải quy định của xe và có che phủ bạt phía trên để tránh rơi vãi trong quá trình di chuyển.

- Bố trí khu vực rửa bánh xe vận chuyển nguyên vật liệu trước khi ra khỏi khu vực thi công; phun nước rửa sạch bùn đất dính bám trên lốp xe trước khi ra khỏi công trường.

- Dựng tường rào tạm cao 2,5m dài khoảng 780 m bằng tôn xung quanh khu vực thi công dự án để giảm thiểu bụi khuếch tán ra môi trường xung quanh.

4.1.3. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải rắn, chất thải nguy hại

a. Biện pháp giảm thiểu chất thải rắn sinh hoạt

- Trang bị 3 thùng đựng rác có nắp đậy với dung tích 50 lít tại khu vực lán trại của công nhân để thu gom rác thải sinh hoạt.

- Hợp đồng với đơn vị thu gom rác của địa phương thu gom đưa đi xử lý.

b. Biện pháp giảm thiểu chất thải rắn xây dựng

- Đối với cát, đá rơi vãi sẽ tận dụng làm vật liệu tôn nền tại dự án.

- Đối với loại chất thải rắn như bìa carton, các mẫu sắt thừa, bao bì xi măng, đầu que hàn, vỏ thùng sơn được thu gom với tần suất 01 lần/ngày để

bán phế liệu hoặc hợp đồng với đơn vị chức năng đến thu gom, đưa đi xử lý theo quy định.

- Đối với lớp đất màu từ quá trình bóc lớp đất phong hóa trên phần diện tích đất trồng lúa được thu gom, cho các hộ/đơn vị sử dụng để phủ đất màu trồng cây trên địa bàn; phần đất đào dư thừa được thu, vận chuyển về bãi đổ thải đã được thỏa thuận (*khu vực phía sau sân vận động xã Thành Lộc, sức chứa khoảng 6.000 m³*).

c. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải nguy hại

- Trang bị ít nhất 02 thùng chứa (dung tích 50 lit/thùng; 100 lit/thùng) có dán nhãn mác, nắp đậy theo quy định, lưu trữ tạm tại khu vực riêng cạnh khu vực lán trại có mái che bằng tôn, tránh tác động từ điều kiện tự nhiên mưa, nắng.

- Chất thải lỏng nguy hại: Trang bị ít nhất 01 thùng chứa (dung tích 100l) có dán nhãn mác, nắp đậy theo đúng quy định để chứa chất thải lỏng nguy hại và được lưu chứa cùng chất thải rắn nguy hại.

4.1.3. Biện pháp giảm thiểu ô nhiễm tiếng ồn, độ rung và các tác động khác:

- Biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, rung:

+ Thường xuyên bảo trì, bảo dưỡng nhằm đảm bảo an toàn trong thi công và đảm bảo các quy chuẩn về môi trường.

+ Hạn chế tối đa các máy móc, phương tiện thi công hoạt động đồng thời.

+ Các phương tiện vận chuyển, máy móc thi công phải đảm bảo độ rung nằm trong giới hạn cho phép QCVN 27:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung.

- Biện pháp giảm thiểu tác động do tai nạn lao động, tai nạn giao thông:

+ Trang bị đầy đủ bảo hộ lao động cho công nhân trong quá trình thi công theo quy định; bố trí thời gian nghỉ ngơi hợp lý cho công nhân.

+ Phương tiện vận chuyển sử dụng đảm bảo các quy định về đặc tính kỹ thuật, tuân thủ theo đúng tuyến đường vận chuyển đã được phê duyệt; quá trình tập kết nguyên vật liệu tránh tập trung vào một thời điểm, không vận chuyển vào giờ đi làm của người dân, giờ tan học của học sinh.

+ Trong mùa mưa và những ngày điều kiện trời mưa lớn đơn vị thi công dừng toàn bộ quá trình thi công để đảm bảo an toàn cho công nhân cũng như máy móc, thiết bị.

+ Lắp biển báo công trường đang thi công tại những nơi phù hợp, dễ quan sát.

4.2. Giai đoạn vận hành

4.2.1. Đối với thu gom và xử lý nước thải:

- Đối với nước mưa chảy tràn:

Nước mưa chảy tràn sau khi thu gom bằng hệ thống máng thu nước mái, ống nhựa PVC, cửa thu nước dẫn về hệ thống rãnh thoát nước mưa của dự án có các hố gas để lắng cặn trước khi thoát ra tuyến kênh 10 xã.

- Nước thải sinh hoạt:

+ Nước thải phát sinh từ nhà vệ sinh của cán bộ, nhân viên tại nhà máy được xử lý sơ bộ bằng 4 bể tự hoại 3 ngăn (tổng thể tích: 155m^3); sau đó dẫn về thiết bị xử lý nước thải tại chỗ (hệ thống bể Bastafat F, công suất $40\text{ m}^3/\text{ngày.đêm}$) đặt tại phía Tây Nam Nhà máy để xử lý trước khi thải ra tuyến kênh 10 xã.

+ Nước thải phát sinh từ rửa tay, chân, tắm giặt được dẫn qua bể lắng 06 m^3 để lắng cặn, sau đó dẫn về hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt tập trung của Nhà máy để tiếp tục xử lý.

+ Nước thải phát sinh từ hoạt động ăn uống được thu gom về 01 bể tách dầu mỡ (thể tích $0,8\text{ m}^3$) để tách váng mỡ trước khi dẫn về thiết bị xử lý nước thải tại chỗ (bể Bastafat F) nằm ở phía Tây Nam Nhà máy để xử lý; váng mỡ tách được thu gom vận chuyển xử lý cùng rác thải sinh hoạt.

+ Quy trình, công nghệ của thiết bị xử lý nước thải sinh hoạt tại chỗ (bể Bastafat F; công suất $20\text{ m}^3/\text{ngày.đêm}$) như sau:

Nước thải → Ngăn lắng + Điều hòa → Ngăn lọc kỵ khí → Ngăn lọc hiếu khí → Ngăn lắng → Khử trùng → Mương thoát nước chung dẫn ra kênh 10 xã.

+ Nước thải sinh hoạt sau xử lý đạt QCVN 14:2008/BTNMT (cột B) - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt trước khi thải ra tuyến kênh 10 xã tại vị trí K4+510 thuộc bờ hữu.

- Nước thải sản xuất:

+ Nước thải từ quá trình xử lý bụi và khí thải lò hơi được dẫn qua bể lắng 2 m^3 để lắng cặn, sau đó dẫn về hệ thống xử lý nước thải sản xuất, công suất $60\text{ m}^3/\text{ngày.đêm}$ nằm ở phía Tây Nam dự án để xử lý.

+ Nước thải từ quá trình giặt vát → hệ thống mương rãnh có song chắn rác, lưới lọc → hệ thống xử lý nước thải sản xuất của Dự án để xử lý.

+ Quy trình, công nghệ của hệ thống xử lý nước thải sản xuất, công suất $60\text{ m}^3/\text{ngày.đêm}$ như sau:

Nước thải → bể thu gom → bể điều hoà → bể tank phản ứng → bể tank lắng → bể phản ứng khử COD dư → bể khử trùng → tuyến kênh 10 xã.

+ Nước thải sản xuất sau khi xử lý đảm bảo đạt QCVN 40:2011/BTNMT (Cột B) - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp trước khi thải ra tuyến kênh 10 xã tại vị trí K4+510 thuộc bờ hữu.

4.1.2. Đối với thu gom và xử lý bụi và khí thải:

- Bụi, khí thải phát sinh từ hoạt động sản xuất:

+ Bụi, khí thải phát sinh từ quá trình cắt vải: Sử dụng thiết bị lọc bụi túi vải Dr.Clean Air có đường kính túi 495 mm , chiều cao túi 830 mm để giảm thiểu bụi trong quá trình cắt vải; trang bị các đầu hút bụi tại khu vực máy cắt vải (phía đối diện với công nhân).

+ Xưởng sản xuất bố trí các hệ thống làm mát (tấm Cooling pad); hệ thống quạt thông để điều hòa vi khí hậu của nhà xưởng.

+ Thiết kế nhà xưởng gia công và nhà kho thông thoáng, sử dụng vật liệu chống nóng, lắp đặt hệ thống thông gió tự nhiên theo yêu cầu vệ sinh công nghiệp.

+ Đối với bụi bông, bụi vải phát sinh trên nền nhà xưởng được công nhân thường xuyên tiến hành vệ sinh công nghiệp.

- Bụi, khí thải phát sinh từ lò hơi:

Bụi, khí thải → hệ thống Cyclon thu bụi → Quạt hút thổi → tháp hấp thụ màng nước vôi trong → ống thoát khí cao 15m → môi trường.

- Bụi khí thải phát sinh từ quá trình vận chuyển, từ hệ thống thu gom, xử lý chất thải,...

+ Các xe vận chuyển nguyên liệu và sản phẩm được xếp lịch và có giờ giao nhận nguyên liệu, sản phẩm cụ thể; trong quá trình bốc xếp nguyên liệu, sản phẩm lên các phương tiện vận chuyển các phương tiện phải tắt máy.

+ Định kỳ bảo dưỡng các phương tiện của nhà máy đảm bảo các phương tiện hoạt động tốt; kiểm định các phương tiện theo đúng quy định.

+ Thường xuyên phun tưới nước sân đường, vỉa hè, trên các tuyến đường giao thông nội bộ, sân bê tông của nhà máy; tuần suất phun ẩm là 04 lần/ngày đối với những ngày không mưa và thực hiện bổ sung khi phát sinh bụi nhiều.

+ Bố trí công nhân vệ sinh thường xuyên quét dọn sân đường nội bộ, nhà xe; trong quá trình dọn dẹp vệ sinh, quét dọn nhà xe, nếu thời tiết khô hanh, phát sinh nhiều bụi thì trong quá trình quét dọn phải phun tưới nước tạo độ ẩm để giảm bụi.

+ Thiết kế hệ thống thu gom nước mưa, nước thải dạng kín, các hố ga có nắp đậy; thường xuyên kiểm tra hệ thống thu gom, xử lý nước thải, nạo vét định kỳ tránh tình trạng tắc nghẽn, vỡ đường ống làm phát sinh mùi hôi thối.

+ Bổ sung chế phẩm (BIO-S, BIO-Phốt) dạng bột vào hệ thống bể tự hoại để tăng hiệu quả xử lý, tránh bùn tắc bể và phát sinh mùi; Sử dụng hóa chất (như Oclean, Sumo, Davi - Star dạng bột) để thông tắc đường ống thoát nước thải.

+ Các thùng đựng rác đều có nắp và đưa đi xử lý hàng ngày nhằm hạn chế sự phát tán mùi hôi do phân hủy các chất hữu cơ có trong rác thải.

+ Trồng cây xanh khu vực Nhà máy, đặc biệt dọc tuyến đường nội bộ và khu vực xử lý nước thải đảm bảo mật độ cây xanh theo quy định.

4.1.3. Các công trình, biện pháp quản lý chất thải rắn, chất thải nguy hại

a. Các công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải rắn thông thường

- Chất thải rắn sinh hoạt:

+ Trang bị và sử dụng các thùng rác loại 5 lít/thùng; 20 lít/thùng; 30 lít/thùng, 60 lít/thùng, 240 lít/thùng,... có nắp đậy bố trí trong các phòng làm việc và dọc hành lang các nhà xưởng, khu nhà điều hành, khu nhà ăn, nhà nghỉ ca công nhân, nhà vệ sinh, sân đường nội bộ... sau đó, tập kết về ngăn chứa rác thải sinh hoạt trong nhà chứa rác (diện tích 252m²) tại góc phía Tây Nam của dự án.

+ Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển rác thải sinh hoạt đi xử lý với tần suất 01 lần/ngày.

+ Yêu cầu CBCNV bỏ rác đúng nơi quy định, rác thải sinh hoạt được thu gom bỏ vào thùng chứa rác có nắp đậy. Rác được công nhân vệ sinh thu gom và phân loại.

- *Chất thải rắn sản xuất:*

+ Đối với bụi vãi, vụn vãi, chỉ thừa, sản phẩm lỗi: Trang bị các thùng rác loại 240 lít/thùng có nắp đậy bố trí tại các nhà xưởng sản xuất; hàng ngày, thu gom, tập kết về nhà kho...; hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển đi xử lý theo quy định.

+ Tro xỉ lò hơi được thu gom và đóng vào các bao chứa lưu trữ tại ngăn chứa rác thải công nghiệp trong nhà chứa rác (diện tích 252m²) tại góc phía Tây Nam của dự án tận dụng trồng cây hoặc bán cho các đơn vị sản xuất phân bón trên địa bàn tỉnh.

+ Bùn thải từ hệ thống xử lý nước thải tập trung chủ đầu tư sẽ hợp đồng với đơn vị chức năng thông hút, vận chuyển xử lý theo quy định.

b. Các công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải nguy hại

- Trang bị 2 thùng chuyên dụng 200 lít có nắp đậy, bên ngoài thùng dán nhãn cảnh báo chất thải nguy hại và lưu giữ trong ngăn chứa CTNH trong nhà chứa rác (diện tích 252m²) tại góc phía Tây Nam của dự án để lưu chứa.

- Định kỳ, hợp đồng với đơn vị chức năng đến thu gom, đưa đi xử lý theo quy định.

4.1.4. Biện pháp giảm thiểu ô nhiễm tiếng ồn, độ rung và ô nhiễm khác

- Thường xuyên kiểm tra và bảo dưỡng bảo trì các dây truyền thiết bị theo đúng định kỳ.

- Khi có sự cố hỏng hóc trên các dây truyền hay máy móc thiết bị cần phải dừng vận hành ngay và sửa chữa trước khi cho vào hoạt động lại.

- Trên các dây truyền máy móc thiết bị gây tiếng ồn lớn phải được lắp các thiết bị giảm âm là các đệm cao su được lót dưới chân đế các máy móc, thiết bị.

- Công nhân làm việc tại các công đoạn có độ ồn cao được trang bị nút tai chống ồn.

- Trang bị đầy đủ các thiết bị bảo hộ lao động chuyên dụng cho công nhân tham gia vận hành trên những dây truyền máy móc có tiếng ồn lớn như: nút tai chống ồn.

- Sự cố hệ thống xử lý nước thải: Vận hành hệ thống xử lý nước thải đúng quy trình, kỹ thuật; thường xuyên kiểm tra, bảo dưỡng máy móc thiết bị; khi HTXLNT sinh hoạt, sản xuất gặp sự cố, nước thải được dẫn về bể thu gom/bể lắng nước thải của từng hệ thống để lưu giữ.

- Phòng cháy và chữa cháy: trang bị đầy đủ phương tiện, thiết bị phòng cháy chữa cháy; đảm bảo chất lượng và hoạt động theo phương án được cấp có

thẩm quyền phê duyệt và các tiêu chuẩn về phòng cháy và chữa cháy.

- Sự cố tai nạn lao động: Lắp đặt bảng nội quy an toàn lao động; trang bị đầy đủ bảo hộ lao động; tuyên truyền, tập huấn nâng cao ý thức người lao động.

- Sự cố lò hơi: Thường xuyên bảo dưỡng, vận hành nồi hơi theo đúng hướng dẫn của Nhà sản xuất; theo dõi liên tục nồi hơi khi nồi hơi hoạt động nhằm phát hiện các hiện tượng bất thường của nồi hơi (cạn nước, đầy nước quá mức, ống thủy báo mực nước ảo, áp suất nồi hơi tăng quá mức cho phép, phồng và nổ ống của phân trao đổi nhiệt trong nồi hơi, nhiệt độ nước cấp quá cao, đường thoát khói nghẹt,...), từ đó, có biện pháp xử lý kịp thời như: Tiến hành thông rửa ống thủy của lò hơi; mở van xả khí lò hơi hoặc mở cường chế van an toàn (kéo van an toàn bằng tay); xả đáy gián đoạn kết hợp với việc cấp nước bổ sung cho [nồi hơi](#), ngừng hoạt động,....

5. Chương trình quản lý và giám sát môi trường của chủ dự án

Căn cứ theo Điều 111, Điều 112 Luật Bảo vệ môi trường số 72/2020/QH14 và Điều 97, Điều 98 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường năm 2020, dự án không thuộc đối tượng phải quan trắc nước thải, khí thải.

Khuyến khích thực hiện quan trắc khí thải, nước thải như sau:

- * Đối với khí thải lò hơi:

- Vị trí giám sát: Lấy một điểm tại thân ống khói lò hơi trước khi thải ra môi trường;

- Tần suất giám sát: 03 tháng/lần;

- Thông số giám sát: Nhiệt độ, bụi, CO, SO₂, NO₂.

- Quy chuẩn so sánh: QCVN 19:2009/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ.

- * Đối với nước thải sản xuất:

- Vị trí giám sát: nước thải đầu ra tại bể khử trùng của hệ thống xử lý nước thải sản xuất

- Tần suất giám sát: 03 tháng/lần.

- Thông số giám sát: Lưu lượng, pH, độ màu, TSS, COD, BOD₅, tổng N, tổng P.

- Quy chuẩn so sánh: QCVN 40:2011/BTNMT, cột B - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp.

- * Đối với nước thải sinh hoạt:

- Vị trí giám sát: nước thải đầu ra tại bể khử trùng của hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt

- Tần suất giám sát: 03 tháng/lần.

- Thông số giám sát: pH, BOD₅, TSS, NH₄⁺, NO₃⁻, tổng dầu mỡ khoáng, tổng chất hoạt động bề mặt, tổng Coliform.

- Quy chuẩn so sánh: QCVN 14:2008/BTNMT, cột B - Quy chuẩn kỹ

thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt.

6. Các điều kiện có liên quan đến môi trường:

- Thực hiện đầy đủ các nội dung trong quyết định phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường.

- Các công trình, biện pháp giảm thiểu tác động môi trường đối với các loại chất thải phát sinh phải được thu gom, quản lý và xử lý đạt các yêu cầu quy định tại Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường, Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường; QCVN 14:2008/BTNMT-Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt; QCVN 40:2011/BTNMT Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp; QCVN 26:2010/BTNMT-Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn, QCVN 27:2010/BTNMT-Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung; QCVN 19:2009/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ; QCVN 20:2009/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với một số chất hữu cơ; QCVN 02:2019/BYT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về bụi amiăng, bụi chứa silic, bụi không chứa silic, bụi bông và bụi than - Giá trị giới hạn tiếp xúc cho phép bụi tại nơi làm việc; QCVN 03:2019/BYT về Giá trị giới hạn tiếp xúc cho phép của 50 yếu tố hóa học tại nơi làm việc; các tiêu chuẩn, quy chuẩn, quy định hiện hành khác có liên quan, đảm bảo các điều kiện an toàn, vệ sinh môi trường trong quá trình thực hiện dự án.

- Trong quá trình chuẩn bị, triển khai thực hiện dự án đầu tư trước khi vận hành, trường hợp có thay đổi so với quyết định phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường, chủ dự án đầu tư có trách nhiệm thực hiện theo đúng quy định tại Khoản 4, Điều 37, Luật Bảo vệ môi trường năm 2020 và Điều 27, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường năm 2020.

- Công khai báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được phê duyệt kết quả thẩm định theo quy định tại Điều 114 của Luật Bảo vệ môi trường năm 2020.

- Tuân thủ các quy định hiện hành về môi trường, đất đai, xây dựng, thủy lợi; tài nguyên, an ninh, quốc phòng; bảo tồn đa dạng sinh học; khai thác, xả nước thải vào nguồn nước; các quy định về phòng cháy chữa cháy, ứng cứu sự cố và các quy định pháp luật khác có liên quan trong quá trình thực hiện dự án nhằm ngăn ngừa, giảm thiểu những rủi ro cho môi trường.

- Đảm bảo tính chính xác và chịu trách nhiệm trước pháp luật về các thông tin, số liệu và kết quả tính toán trong báo cáo đánh giá tác động môi trường.

- Thực hiện yêu cầu khác theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường./.